

Số: 566/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 17 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Phúc N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 44/01 đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Phan Thị Thùy T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 44/01 đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Phúc N và chị Phan Thị Thùy T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường G) thành phố H vào ngày 10/5/2017. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ của anh Lê Phúc N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Phúc N và chị Phan Thị Thùy T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Lê Phúc N và chị Phan Thị Thùy T xác nhận có 01 con chung tên là Lê Phan An Nh, sinh ngày 31/5/2017, hiện nay cháu Lê Phan An Nh

đang ở với chị Phan Thị Thùy T. Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T thỏa thuận giao cháu Lê Phan An Nh cho chị Phan Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Phúc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn mỗi tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Lê Phan An Nh trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Phúc N và chị Phan Thị Thùy T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi dưỡng con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 8 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Phúc N và chị Phan Thị Thùy T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phan An Nh, sinh ngày 31/5/2017 cho chị Phan Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Phúc N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Lê Phan An Nh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả

khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh Lê Phúc N, chị Phan Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004309 ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường G, thành phố H (Anh N, chị T ĐKKH số: 29/2017, ngày 10/5/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi